

NÂNG CAO HIỆU QUẢ DẠY HỌC CÁC HỌC PHẦN TIẾNG VIỆT TRONG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH GIÁO DỤC TIỂU HỌC CỦA TRƯỜNG ĐẠI HỌC KHÁNH HÒA

Phạm Thị Thu Hương*, Huỳnh Lê Chi Hải
Trường Đại học Khánh Hòa

Thông tin chung:

Ngày nhận bài: 20/09/2025

Ngày phản biện: 22/09/2025

Ngày duyệt đăng: 20/11/2025

*Tác giả chính:

phamthithuahuong@ukh.edu.vn

DOI: <https://doi.org/10.70879/j3KccTSvp>

Title:

Improving the effectiveness of teaching Vietnamese language courses in the Primary Education training program at Khanh Hoa University

Từ khóa:

phương pháp, năng lực, tiếng Việt, sinh viên, giáo dục tiểu học.

Keywords:

method, competency, Vietnamese language, students, primary education

TÓM TẮT: Trong bối cảnh đổi mới chương trình giáo dục phổ thông với yêu cầu ngày càng cao về chất lượng đào tạo thì việc đổi mới phương pháp dạy học là một trong những nhiệm vụ quan trọng, nhất là các trường đại học có đào tạo sinh viên sư phạm. Trên cơ sở tìm hiểu thực trạng dạy học các học phần tiếng Việt trong chương trình đào tạo cử nhân ngành Giáo dục Tiểu học, bài viết đề xuất một số giải pháp nhằm góp phần nâng cao hiệu quả dạy học các học phần Tiếng Việt trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục Tiểu học của Trường Đại học Khánh Hòa.

ABSTRACT: In the context of reforming the general education curriculum with increasing demands for training quality, innovating teaching methods is one of the important tasks, especially for universities that train pedagogy students. Based on understanding the current situation of teaching Vietnamese language courses in the Bachelor of Primary Education training program, this article proposes some solutions to contribute to improving the effectiveness of teaching Vietnamese language courses in the Primary Education training program at Khanh Hoa University.

1. Giới thiệu vấn đề nghiên cứu

Tiếng Việt là môn học có vị trí quan trọng trong chương trình tiểu học. Các học phần Tiếng Việt trong chương trình đào tạo ngành Giáo dục tiểu học (GDTH) là những học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành giúp sinh viên (SV) trang bị những kiến thức cơ bản về hệ thống tiếng Việt hiện đại, hình thành cho SV các kỹ năng (KN) đặc thù gắn với bộ môn Tiếng Việt như KN đọc, viết, nói, nghe để SV sau khi ra trường dạy tốt môn Tiếng Việt ở Tiểu học.

PPDH các học phần Tiếng Việt giúp SV nắm vững hệ thống tri thức cơ bản về tiếng Việt, đồng thời chú trọng đến việc hình thành các năng lực (NL) cho SV. Thông qua các nhiệm vụ học tập cụ thể, giảng viên (GV) xây dựng chương trình, nội dung môn học, thiết kế các hoạt động dạy học, lựa chọn phương pháp giảng dạy, cách thức kiểm tra, đánh giá phù hợp nhằm hình thành và phát triển các NL nghề cho SV.

Đối với SV ngành GDTH, công việc sau khi ra trường là giảng dạy tại các trường tiểu

học, đối tượng học sinh có những đặc thù về tâm sinh lý khác với học sinh khối trung học cơ sở và trung học phổ thông nên cách truyền đạt của giáo viên cũng phải phù hợp với độ tuổi. Chính đặc thù riêng này nên việc vận dụng và truyền đạt những phương pháp mới phù hợp với SV ngành GDTH là yêu cầu đặc biệt quan trọng đối với các GV giảng dạy tại tổ bộ môn. Trong chương trình đào tạo (CTĐT) ngành GDTH thì các học phần Tiếng Việt là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành giúp SV ngành GDTH trang bị những kiến thức cơ bản, thiết thực về hệ thống tiếng Việt hiện đại, hình thành cho SV các KN đặc thù gắn với bộ môn tiếng Việt như KN đọc, viết, nói nghe để SV sau khi ra trường dạy tốt môn Tiếng Việt ở tiểu học, hướng đến mục tiêu cụ thể là giúp SV biết dùng tiếng để dạy văn, dùng văn để dạy tiếng cho học sinh tiểu học.

2. Cơ sở lý thuyết và phương pháp nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý thuyết

Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành GDTH của Trường Đại học Khánh Hòa được

xây dựng và phát triển theo khung trình độ quốc gia hiện hành, có tổng số 135 tín chỉ, trong đó 30 tín chỉ thuộc khối kiến thức đại cương và 105 tín chỉ thuộc khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp. Các học phần Tiếng Việt 1,2 và Rèn kỹ năng sử dụng tiếng Việt thuộc mảng kiến thức cơ sở ngành, khối ngành. Học phần Phương pháp dạy học tiếng Việt ở tiểu học 1&2 thuộc khối kiến thức chuyên ngành. Đây là những học phần bắt buộc trong CTĐT cử nhân ngành GDTH. Ngoài ra trong chương trình còn có một số học phần tự chọn liên quan đến tiếng Việt như Dạy học chính tả cho học sinh tiểu học theo vùng phương ngữ; Phát triển lời nói cho học sinh tiểu học trên bình diện ngữ âm; Bồi dưỡng học sinh năng khiếu tiếng Việt ở tiểu học; Từ ngữ trong dạy học tiếng Việt ở tiểu học. Tuy nhiên những học phần này có thể học hoặc không tùy theo sự lựa chọn của SV trong từng năm. Học phần Phát triển NL dạy học tiếng Việt ở tiểu học là học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp dành cho đối tượng SV không thực hiện khóa luận tốt nghiệp.

Nhìn chung số tín chỉ dành cho tiếng Việt không nhiều, chủ yếu tập trung ở các học phần mang tính bắt buộc trong CTĐT, tổng cộng 14 tín chỉ. Bài viết tập trung vào việc tìm hiểu các học phần Tiếng Việt trong CTĐT ngành GDTH của Trường Đại học Khánh Hòa, cụ thể là học phần Tiếng Việt 1&2, Phương pháp dạy học Tiếng Việt 1&2 và học phần Rèn kỹ năng sử dụng tiếng Việt. Các học phần này được phân bố từ năm thứ nhất đến năm thứ 3 của CTĐT.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Bài nghiên cứu được triển khai theo hướng nghiên cứu lí luận, kết hợp các phương pháp sau:

2.2.1. Phương pháp phân tích – tổng hợp

Tác giả tiến hành thu thập, phân tích, hệ thống hóa, khái quát hóa những tài liệu về lý luận có liên quan đến bài viết, cụ thể trên 3 nội dung học phần:

- + Tiếng Việt
- + Rèn kỹ năng sử dụng tiếng Việt
- + Phương pháp dạy học tiếng Việt

Việc phân tích nhằm xác định các nội dung nghiên cứu và kết quả khảo sát, đưa ra những nhận định khái quát thông qua việc tổng hợp những kết quả có liên quan đến định hướng

xây dựng nội dung bài viết.

2.2.2. Phương pháp khảo sát, điều tra

Tác giả quan sát công tác chuẩn bị, cách thức tổ chức hoạt động dạy và học các học phần Tiếng Việt của giảng viên và sinh viên ngành Giáo dục Tiểu học Trường Đại học Khánh Hòa. Từ đó sử dụng phiếu điều tra để nghiên cứu thực trạng dạy học các học phần Tiếng Việt của giảng viên và sinh viên, đồng thời xác định tính hiệu quả của việc vận dụng phương pháp dạy học theo tiếp cận năng lực.

2.2.3. Phương pháp so sánh, đối chiếu

So sánh, đối chiếu phương pháp dạy học theo hướng tiếp cận nội dung và phương pháp dạy học theo hướng tiếp cận năng lực để thấy được ưu thế và hạn chế của các phương pháp dạy học, từ đó có thể đề xuất các giải pháp phù hợp với thực tiễn giảng dạy và học tập của GV và SV ngành GDTH Trường Đại học Khánh Hòa.

3. Kết quả và thảo luận

3.1. Thực trạng dạy học các học phần Tiếng Việt trong CTĐT ngành GDTH của Trường Đại học Khánh Hòa

3.1.1. Thực trạng dạy học các học phần cơ sở Tiếng Việt

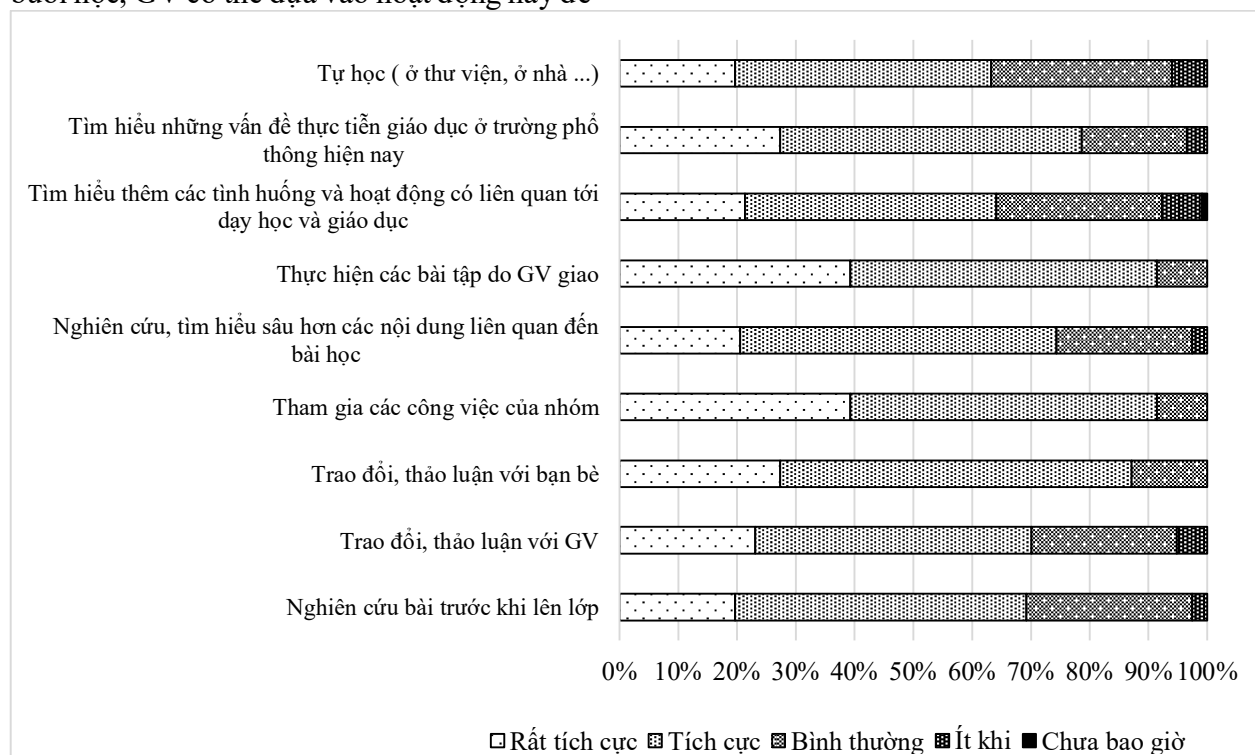
Trong CTĐT ngành GDTH, các học phần Tiếng Việt 1&2 cung cấp cho SV những kiến thức đại cương về ngôn ngữ, ngữ âm, từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt hiện đại, những tri thức chủ yếu về ngữ pháp và phong cách học tiếng Việt; trên cơ sở đó hệ thống hóa việc dạy văn bản theo thể loại, theo phong cách chức năng ngôn ngữ trong chương trình Tiếng Việt ở tiểu học. Học phần Rèn kỹ năng sử dụng tiếng Việt cung cấp kiến thức cơ bản về chữ viết, viết văn bản, ngữ điệu đọc, quy tắc chính tả; lý thuyết về hội thoại, góp phần hình thành cho SV các kỹ năng đọc, viết, nói, nghe. Các kỹ năng này giúp cho SV dạy tốt môn Tiếng Việt ở tiểu học và có thể giao tiếp đạt hiệu quả.

Hầu hết SV ngành GDTH Trường Đại học Khánh Hòa đều nhận thức được rằng môn Tiếng Việt có vai trò quan trọng và cần thiết, góp phần giúp các em nắm bắt được kiến thức, hình thành những kỹ năng cần thiết để trở thành người giáo viên giảng dạy tiếng Việt tốt ở Tiểu học. Tuy nhiên mức độ hứng thú, mức độ tiếp thu bài học, mức độ thực hiện các hoạt động của SV khi học tập các học phần Tiếng

Việt và mức độ hình thành, phát triển các NL nghề của SV chưa được đồng đều nhau.

Về mức độ thực hiện các hoạt động khi học tập các học phần Tiếng Việt, SV ngành GDTH thực hiện tương đối tốt, trong đó hoạt động “Thực hiện các bài tập do GV giao” và “Tham gia các công việc của nhóm” là hoạt động mà SV tích cực tham gia nhất. Nguyên nhân là do ở môi trường đại học, SV phải thực hiện các nhiệm vụ học tập khá nhiều trong các buổi học, GV có thể dựa vào hoạt động này để

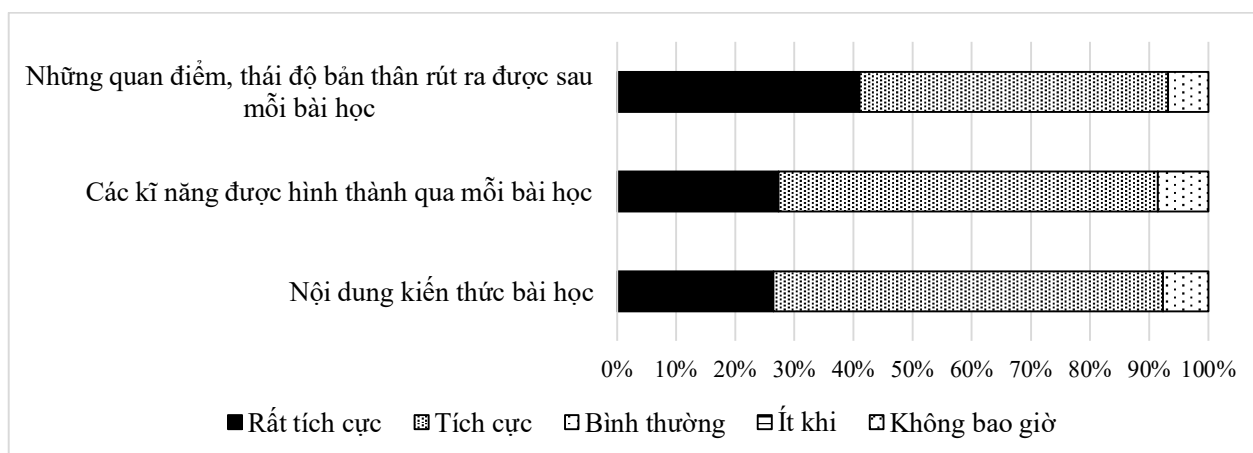
tính điểm chuyên cần hoặc điểm giữa kỳ cho SV. Tuy nhiên có những hoạt động, đặc biệt những hoạt động có thể giúp SV hình thành và phát triển NL thì SV ít tích cực tham gia như: Tìm hiểu thêm các tình huống và hoạt động có liên quan tới dạy học và giáo dục; Nghiên cứu bài trước khi lên lớp; Nghiên cứu, tìm hiểu sâu hơn các nội dung liên quan đến bài học và đặc biệt là việc tự học (ở thư viện, ở nhà ...) chưa được quan tâm đúng mức.



Hình 1. Mức độ thực hiện các hoạt động của SV khi học tập các học phần Tiếng Việt

Về mức độ tiếp thu sau mỗi bài học, SV chủ yếu lĩnh hội kiến thức và thái độ, quan điểm rút ra từ bài học còn các kỹ năng vẫn chưa tốt bằng các nội dung khác, điều này chứng tỏ trong các giờ học GV chỉ chú trọng tới tri thức lý thuyết mà ít hình thành và rèn luyện các kỹ năng cho SV. Thực tế qua quan sát, trong các giờ học GV chủ yếu thuyết trình, không có nhiều hoạt động để SV tham gia do đó các kỹ năng, thao tác của SV phần nào còn hạn chế. Trong bối cảnh đổi mới chương trình

giáo dục, SV ngành GDTH bước đầu đã có quan tâm tới việc dạy và học theo phương pháp mới - phương pháp chú trọng việc hình thành và rèn luyện các KN cơ bản để có thể áp dụng được vào thực tế dạy học. Do đó việc GV có định hướng đổi mới phương pháp dạy học (PPDH) theo hướng tiếp cận NL người học là điều rất cần thiết, nhất là trong bối cảnh đổi mới chương trình, đổi mới dạy học trong giai đoạn hiện nay.



Hình 2. Mức độ lĩnh hội của SV sau mỗi bài học

Về mức độ phát triển các NL nghề của SV, cụ thể ở một số NL chung như NL thuyết trình, giải quyết vấn đề, NL giao tiếp, NL tìm kiếm và xử lý thông tin, NL tự học SV tự đánh giá chưa cao, thậm chí vẫn còn một số trường hợp tự đánh giá ở mức yếu. Đối với các NL đặc thù của môn học, như: *Năng lực nghe hiểu* (Nghe hiểu với thái độ phù hợp và nắm được nội dung cơ bản; Nhận biết được cảm xúc của người nói và biết cách phản hồi những gì đã nghe); *Năng lực đọc - hiểu* (Vận dụng được quy trình phân tích văn bản để đọc hiểu, tóm tắt văn bản theo những hình thức khác nhau; Biết cách thực hiện kĩ năng đọc và đọc mẫu có hiệu quả; Biết ứng dụng những điều đã được học tập và rèn luyện vào giao tiếp thường ngày)... thì kết quả thu được vẫn còn khá khiêm tốn so với yêu cầu về NL cần đạt được. Khi khảo sát về NL sản sinh văn bản với những yêu cầu rất cụ thể như: *Năng lực nói* (thuyết trình, trình bày vấn đề); *Năng lực viết* (viết đúng chính tả, đúng quy tắc ngữ pháp, đúng mục đích) [2] thì giữa hai đối tượng SV đã hoàn thành môn Tiếng Việt và SV đang học môn Tiếng Việt lại có sự chênh lệch rõ rệt. Đối với SV đang học môn Tiếng Việt thì tỉ lệ khảo sát tính được là 36.67% xếp loại tốt, 51.11% khá, 11.11% trung bình và 1.11% xếp loại yếu. SV đã học xong các môn Tiếng Việt thì tỉ lệ tính được khả năng hơn: 54% xếp loại tốt, 39% khá và 7% trung bình. Điều này chứng tỏ qua quá trình học tập, SV ngành GD Tiểu học đã có sự tiến bộ rõ rệt. Tuy nhiên nhìn chung kết quả đạt được vẫn chưa cao, chưa phát huy được NL của SV trong việc thể hiện các KN cơ bản gắn với đặc thù của môn học.

3.1.2. Thực trạng dạy học các học phần phương pháp dạy học Tiếng Việt

Học phần PPDH Tiếng Việt ở tiểu học 1 trong CTĐT ngành GDTH cung cấp cho SV những nội dung cơ bản về PPDH Tiếng Việt ở Tiểu học, phân tích và minh họa các vấn đề lí luận chung về PPDH Tiếng Việt ở Tiểu học, đặc trưng môn học, các nguyên tắc, chương trình và sách giáo khoa (SGK) môn học. Ngoài ra, ở học phần này, SV học và rèn luyện kĩ năng xây dựng kế hoạch, nội dung, biện pháp và hình thức tổ chức dạy học các hoạt động: Học vắn, Tập viết, Chính tả. PPDH Tiếng Việt ở tiểu học 2 tập trung giải quyết các nội dung trọng tâm về PPDH viết, PPDH nói và nghe ở tiểu học; Tích hợp dạy đọc, viết, nói và nghe trong môn Tiếng Việt ở tiểu học, thể hiện sự kết nối trong rèn các kĩ năng giao tiếp trong chính thể một bài học [3].

Trong quá trình dạy học các học phần PPDH Tiếng Việt, các GV thường vận dụng PPDH đàm thoại, thuyết trình, phương pháp nêu và giải quyết vấn đề, phối hợp các PPDH, tăng cường tổ chức thảo luận, làm việc theo nhóm và hướng dẫn SV tự nghiên cứu bài trước khi đến lớp, đánh giá kết quả học tập thông qua điểm giữa kỳ và cuối kỳ. Các PPDH khác như PPDH dự án, hợp tác, đóng vai, trò chơi... còn ít khi hoặc chưa bao giờ sử dụng. Điều này chứng tỏ GV bước đầu đã quan tâm tới việc đổi mới PPDH, tuy nhiên PPDH truyền thống vẫn được các GV ưu tiên sử dụng.

Hầu hết các GV đều nhận thức đúng về những đặc trưng của quan điểm dạy học theo hướng tiếp cận năng lực (TCNL) đó là: Các

NL mà người học tiếp thu trong quá trình dạy học được xác định dựa trên chuẩn nghề nghiệp giáo viên và được công bố cho người học trước khi học (đạt tỉ lệ 100%); Đánh giá kết quả học tập dựa trên kết quả thực hiện công việc thực tế theo tiêu chuẩn NL đã xác định và có đủ bằng chứng để khẳng định mức độ đạt được (87,5%); Nội dung dạy học là những kiến thức, kĩ năng, thái độ được tích hợp lại theo chuẩn NL đã xác định (87,5%). Về PPDH theo hướng tiếp cận năng lực, 100% GV cho rằng đặc trưng PPDH đó là chú trọng vào việc “*SV làm được gì và làm như thế nào*” hơn là “*SV biết và hiểu được gì*” sau khi hoàn thành một chương trình học hay một bài học. 62,5% GV cho rằng PPDH theo hướng TCNL là PPDH gắn liền thực tiễn dạy học và giáo dục.

Trong quá trình tìm hiểu về việc dạy học các học phần Tiếng Việt thông qua khảo sát và phân tích thực trạng, chúng tôi nhận thấy GV đã có những nhận thức cơ bản về dạy học theo hướng TCNL, có mong muốn tổ chức dạy học các môn Tiếng Việt theo hướng hình thành và phát triển những NL nghề nghiệp phù hợp với thực tiễn dạy học và giáo dục của SV. Khá nhiều GV bước đầu đã quan tâm tới việc đổi mới PPDH, tuy nhiên vẫn còn một số GV chưa có sự sáng tạo về phương pháp, đổi mới hình thức dạy học và các hoạt động dạy học trên lớp, PPDH chủ yếu mà GV thường sử dụng khi lên lớp là thuyết trình, nêu và giải quyết vấn đề, đàm thoại, do đó chưa tạo ra được sự hứng thú, phát huy tính tích cực, chủ động và phát triển các NL nghề sư phạm cho SV. PPDH mà GV sử dụng chưa thật sự có hiệu quả, còn chú trọng nhiều đến việc cung cấp các tri thức lý thuyết. Một số hoạt động do GV tổ chức trong bài giảng chưa thực sự hấp dẫn, lôi cuốn SV. Một số SV chưa thực sự tích cực, chủ động trong quá trình học tập, động cơ phấn đấu học tập không rõ ràng. Do đó việc GV có định hướng xây dựng PPDH nhằm nâng cao chất lượng dạy học là điều cần thiết, nhất là trong bối cảnh đổi mới dạy học theo chương trình mới trong giai đoạn hiện nay.

3.2. Đánh giá thực trạng dạy học các học phần Tiếng Việt trong CTĐT ngành GDTH của Trường Đại học Khánh Hòa

3.2.1. Những thuận lợi trong dạy học các học phần Tiếng Việt cho SV ngành GDTH

Về cơ sở vật chất, Trường Đại học Khánh Hòa có đầy đủ các giảng đường, phòng học, phòng chức năng, phòng thực hành, thực tập, tập giảng với trang thiết bị hiện đại, thư viện đảm bảo sách, giáo trình, tài liệu tham khảo đáp ứng được yêu cầu của giảng dạy và học tập các môn học trong CTĐT nói chung và CTĐT ngành GDTH nói riêng.

Đội ngũ GV giảng dạy có trình độ cao, có thâm niên công tác, có kinh nghiệm trong giảng dạy SV ngành GDTH từ nhiều khóa. Nhằm khuyến khích, tạo điều kiện cho GV được học tập nâng cao trình độ chuyên môn, kĩ năng nghề nghiệp, nhà trường đã cử nhiều GV đi tập huấn bồi dưỡng chuyên môn, NL nghề nghiệp và đạo đức nhà giáo do Bộ Giáo dục – Đào tạo tổ chức. Nhiều nội dung cơ bản về đổi mới PPDH, đổi mới hoạt động kiểm tra - đánh giá kết quả học tập của SV đã được vận dụng vào thực tiễn dạy học của nhà trường. Nhờ đó, GV đã kịp thời điều chỉnh PPDH cho phù hợp với tình hình thực tiễn, bổ sung những kiến thức bản thân còn thiếu để đáp ứng tốt hơn yêu cầu nâng cao chất lượng đào tạo của nhà trường.

SV ngành GDTH có thái độ học tập tốt, nghiêm túc trong kiểm tra và thi, tuân thủ kỉ luật và nội quy của trường lớp, tích cực hăng hái tham gia các hoạt động phong trào xã hội và phong trào do đoàn khoa và đoàn trường phát động. Số lượng SV các lớp cũng ít (thường từ 20-24 SV/khóa) nên các em có điều kiện thực hành và được quan tâm nhiều hơn trong học tập. Hầu hết SV đều đánh giá cao vai trò của môn Tiếng Việt trong trường tiểu học nên rất có ý thức học tập và nghiên cứu các PP học tập phù hợp để trở thành người GV tiểu học trong tương lai.

CTĐT SV ngành GDTH đáp ứng mục tiêu về kiến thức toàn diện gồm khối kiến thức đại cương, khối kiến thức cơ sở và khối kiến thức chuyên ngành để phục vụ thực tế cuộc sống và cho nghề nghiệp ở nhà trường tiểu học, đáp ứng sự phát triển của giáo dục trong bối cảnh đổi mới giáo dục nói chung. Nội dung CTĐT và sự điều phối kế hoạch giảng dạy ở các học kỳ cùng việc cho SV được tự chọn một số học phần phù hợp là những yếu tố thuận lợi cho GV và SV khi dạy học các học

phần Tiếng Việt theo định hướng phát triển năng lực.

3.2.2. Những khó khăn trong dạy học các học phần Tiếng Việt cho SV ngành GDTH

Tại trường Đại học Khánh Hòa, đa phần các GV đã ý thức được việc đổi mới PPDH theo hướng tiếp cận NL người học. Đặc biệt trong giai đoạn đổi mới chương trình giáo dục phổ thông thì hơn ai hết GV sư phạm phải cập nhật các PPDH mới để có thể hướng dẫn cho SV. Tuy nhiên đối với một số GV, cách nhận thức vấn đề chưa thực sự sâu sắc, đồng bộ bởi lẽ xưa nay cách dạy truyền thống theo hướng truyền thụ kiến thức vẫn mang lại hiệu quả tích cực, SV vẫn hứng thú và đạt được kết quả nhất định. Tính đồng bộ trong đổi mới PPDH không cao nên mức độ ảnh hưởng còn khá mờ nhạt, chưa hình thành ở SV nếp làm việc, học tập theo phương pháp mới một cách bài bản.

Đối với SV ngành GDTH, công việc chính của các em sau khi ra trường là giảng dạy tại trường tiểu học, đối tượng HS có những đặc thù về tâm sinh lý khác với các cấp học khác, do đó một trong những yêu cầu quan trọng của SV ngành GDTH là phải nắm được kiến thức về tâm lý học lứa tuổi, sử dụng các kiến thức đó để lựa chọn PP giảng dạy và cách giao tiếp, ứng xử sư phạm phù hợp với HS tiểu học. SV ngành GDTH sẽ được trang bị những kiến thức liên quan đến việc giảng dạy các môn học sau này, phạm vi học tập trải trải, nhiều nội dung từ Toán, Tiếng Việt, Mỹ thuật, Âm nhạc, Hoạt động trải nghiệm, Công tác đội, Thủ công-kỹ thuật... nên việc nắm kiến thức chuyên sâu và đạt được các kỹ năng theo yêu cầu sẽ khó khăn hơn một số ngành học khác.

Đối với SV nói chung và SV ngành GDTH nói riêng, việc tự học, tự nghiên cứu đóng vai trò rất quan trọng. Thực tế trong 1 tín chỉ lý thuyết (15 tiết) học ở trường, SV phải dành ra ít nhất là 30 tiết tự học. Tuy nhiên vẫn còn nhiều SV chưa nhận thức đúng đắn về sự cần thiết của hoạt động tự học. Một số SV ý thức tự giác, tự học, tự nghiên cứu tư duy sáng tạo và tư duy sáng tạo chưa cao, kỹ năng tìm kiếm, xử lý các thông tin có liên quan để phục vụ nhiệm vụ học tập còn hạn chế. Các học phần Tiếng Việt, Rèn kỹ năng sử dụng tiếng Việt và PPDH tiếng Việt chú trọng phân thực hành, ứng dụng cụ thể vào hoạt động dạy học

môn Tiếng Việt ở trường tiểu học tuy nhiên một số em còn lúng túng trong học tập, tổ chức các hoạt động dạy học, thiết kế bài giảng và thực hành các PPDH phù hợp với HS tiểu học.

3.2.3. Nguyên nhân của thực trạng

Đối với GV, việc dạy học theo nội dung đề cương chi tiết môn học với nhiều nội dung trong lượng thời gian ngắn cũng phần nào gây ra những khó khăn nhất định trong đổi mới PPDH, GV không thể lựa chọn những nội dung dạy học phù hợp hoặc tiến hành những PPDH dài hơi như PPDH dự án vì sẽ khó đảm bảo được kiến thức bài học và thời gian thực hiện bởi lẽ SV không có nhiều thời gian để thực hiện các công việc, đôi khi sẽ ảnh hưởng đến việc học các môn khác. Mặt khác, do thói quen sử dụng PPDH lấy người dạy làm trung tâm nên muốn thay đổi GV theo chiều hướng mới cần có thời gian nhất định.

Đối với SV ngành GDTH thì do đặc thù của ngành học mà hệ thống các kỹ năng mà SV cần đạt được là rất nhiều trong khi nhiều SV không thể giỏi đều tất cả các môn học, một số em thực hiện không tốt các kỹ năng được yêu cầu, không được học theo kiểu chuyên sâu mà phải trải nghiệm kiến thức trong nhiều môn cũng gây khó khăn cho các em trong quá trình tiếp cận những nội dung mới theo hướng tiếp cận NL người học.

Thực tế còn nhiều SV chưa nhận thức đúng đắn về sự cần thiết của hoạt động tự học, tự nghiên cứu. Một số SV chưa thực sự tích cực, chủ động trong việc chiếm lĩnh tri thức, ý thức tự giác và tư duy sáng tạo chưa cao, kỹ năng tìm kiếm và xử lý thông tin phục vụ cho các nhiệm vụ học tập còn hạn chế...

Việc nâng cao PPDH các học phần Tiếng Việt cho SV ngành GDTH của Trường Đại học Khánh Hòa theo hướng tiếp cận NL người học là cần thiết, song để thực hiện được đòi hỏi GV không chỉ có ý thức và bản lĩnh nghề nghiệp vững vàng, mà còn phải tự vượt qua những thói quen đã bám rễ từ lâu; tiếp thu công nghệ thông tin và những phương tiện dạy học, PPDH hiện đại, sử dụng được đa dạng các hình thức kiểm tra đánh giá...

Như vậy có thể thấy rằng, đa số GV và SV ngành GDTH đã có nhận thức đúng về vị trí, vai trò của các học phần Tiếng Việt trong CTĐT cử nhân ngành GDTH. Thực tế việc

dạy học các học phần Tiếng Việt cho SV ngành GDTH có những thuận lợi cơ bản về cơ sở vật chất, về đội ngũ giảng viên, về nội dung chương trình, bản thân SV cũng là đối tượng có ý thức tích cực trong học tập và rèn luyện. Tuy nhiên trong cách nhận thức vấn đề, trong ý thức học tập của SV cùng với những đặc thù của ngành học cũng có ảnh hưởng không nhỏ tới việc đổi mới PPDH trong nhà trường.

3.3. Một số giải pháp nâng cao hiệu quả PPDH các học phần Tiếng Việt cho SV ngành GDTH Trường Đại học Khánh Hòa

3.3.1. Nâng cao nhận thức của GV và SV về vai trò, tầm quan trọng của việc đổi mới phương pháp dạy học

Hầu hết GV và SV Trường Đại học Khánh Hòa đều nhận thức rõ tầm quan trọng của việc dạy học các học phần Tiếng Việt và PPDH tiếng Việt trong CTĐT ngành GDTH, tuy nhiên, vì nhiều lý do, vẫn còn một bộ phận GV chưa chú trọng việc đổi mới phương pháp, hình thức tổ chức dạy học và cách học của SV; một số SV vẫn chưa thực sự tích cực, chủ động trong học tập, thiếu động cơ phấn đấu học tập, còn xem nhẹ việc tự học... Việc giảng dạy và phát triển nội dung các học phần Tiếng Việt ở trường đại học gắn liền với phân môn Tiếng Việt ở trường tiểu học. Do đó, việc nâng cao nhận thức của GV và SV trong dạy và học các học phần Tiếng Việt để phù hợp với đặc thù của môn học cũng chính là nâng cao chất lượng dạy học.

Đối với GV, cần nâng cao ý thức trách nhiệm trong việc dạy học theo hướng TCNL cho SV qua bài dạy và đặc trưng bộ môn. Tích hợp việc rèn luyện các kỹ năng cơ bản cho SV trong từng môn học, xem đó là mục tiêu và là yếu tố cần thiết để xây dựng PPDH tích cực, tăng tính tương tác giữa GV và SV. Tích cực học tập, nghiên cứu, tham gia các hội nghị, hội thảo về NL và phát triển NL người học. Tôn trọng các nhận định, quan điểm của người học. Mặt khác, GV thông qua việc tiến hành các hình thức kiểm tra đánh giá kết quả học tập để phát hiện trình độ và NL của SV, từ đó có những nhận xét, đánh giá phù hợp, động viên SV phát huy điểm mạnh, tìm nguyên nhân của những điểm chưa đạt được để có phương hướng khắc phục nhằm hoàn thiện quá trình dạy học.

Bản thân SV cũng phải xác định được mục tiêu, nhiệm vụ học tập của mình; dần loại bỏ thói quen chây ỳ, thụ động trong học tập; tích cực, chủ động, tự giác trong học tập và rèn luyện để trở thành người giáo viên tiểu học trong tương lai. Xác định ý nghĩa, tầm quan trọng của việc dạy học theo hướng TCNL đối với việc nâng cao chất lượng giáo dục, thực hiện mục tiêu giáo dục toàn diện theo yêu cầu đổi mới giáo dục. Nâng cao ý thức tự học, tự nghiên cứu gắn với bối cảnh đổi mới giáo dục phổ thông để không phải bỏ ngỡ khi đi thực tế thực tập cũng như khi giảng dạy tại trường tiểu học.

3.3.2. Sử dụng linh hoạt các phương pháp, hình thức tổ chức dạy học

Trong chương trình đào tạo cử nhân ngành GDTH thì mục tiêu chính là cung cấp kiến thức cơ bản về chữ viết, viết văn bản, ngữ điệu đọc, quy tắc chính tả, ngữ âm và từ vựng ngữ nghĩa tiếng Việt hiện đại, lý thuyết về hội thoại... nhằm hình thành cho SV các KN *đọc, viết, nói, nghe*. Các KN này giúp cho SV dạy tốt môn Tiếng Việt ở tiểu học, có ý thức chuẩn mực trong sử dụng ngôn ngữ để dạy học và giao tiếp. Để dạy và học tốt môn học này, người GV có thể vận dụng nhiều phương pháp khác nhau như dạy học nhóm, dạy học dự án, dạy học theo tình huống, dạy học thông qua phương pháp đóng vai hoặc dạy học hợp đồng... mỗi phương pháp sẽ có những ưu điểm và hạn chế nhất định. Chẳng hạn với PPDH theo tình huống – một phương pháp được tiến hành trên cơ sở những câu chuyện gắn với thực tế cuộc sống hoặc được mô phỏng, hư cấu do GV thiết kế dựa trên những mục tiêu cần đạt về kiến thức, kỹ năng, thái độ nhằm tạo ra các vấn đề kích thích sự tìm tòi, khám phá của người học. Với các tình huống (có thể là giả định) được GV đưa ra, SV sẽ là đối tượng tiếp nhận và xử lý tình huống một cách tích cực, sáng tạo, qua đó chiếm lĩnh được những tri thức cơ bản, hình thành kỹ năng, thái độ, phát triển các NL nghề nghiệp. SV có thể thiết kế được các bước trong tiến trình dạy học sau này từ sự hướng dẫn của GV. Chẳng hạn như khi hướng dẫn SV tìm hiểu nội dung *Rèn kỹ năng đọc*, thông qua một số bài tập đọc GV cho SV tìm hiểu các tình huống có trong bài đọc để từ đó có những hướng xử lý khác nhau, tăng thêm sự hiểu biết về văn bản

một cách sâu sắc hơn, đồng thời cũng giúp SV rèn KN nói bằng cách trình bày ý kiến, cảm nghĩ và ấn tượng của mình khi tìm hiểu văn bản đó. Ví dụ khi thực hiện bài tập đọc : “Hột mận” [4, tr.52], hoặc bài “Tuyên truyền” [5, tr.27], bài *Nghĩa của từ Tiếng Việt*, hoạt động 3: Tìm hiểu sự chuyển nghĩa của từ, giáo trình *Tiếng Việt* (Sách dự án phát triển giáo viên tiểu học, Lê A chủ biên), GV có thể tiến hành theo các bước như sau:

Bước 1: Xác định tình huống dạy học.

Tình huống GV đưa ra có thể dưới dạng một câu chuyện do GV kể, SV đọc trong SGK hoặc tiếp cận qua một video clip hay đơn giản là câu chuyện được chiếu bằng slide.

Trước hoặc sau khi đưa ra tình huống DH, GV có thể chia lớp thành nhiều nhóm, chỉ dẫn những kiến thức, tài liệu phục vụ cho việc nghiên cứu, giải đáp tình huống DH.

Bước 2: Tìm hiểu và xác định những vấn đề cơ bản cần giải quyết

Ở bước này, SV cần chỉ ra được những điểm mâu chốt cũng như những mâu thuẫn cơ bản của vấn đề để có phương án giải quyết đúng vấn đề mà tình huống nêu ra, tránh đi lạc đề hay giải quyết vấn đề một cách qua loa. Đối với dạng bài này, vấn đề mà tình huống nêu ra thông thường được đặt dưới dạng câu hỏi trực tiếp ở cuối đoạn. Có thể đưa những dạng câu hỏi để SV giải đáp nhanh như: 1. Câu chuyện có ý nghĩa gì? 2. Phân tích nội dung và cách giải quyết mâu thuẫn của truyện.

Bước 3: Xác định và phân tích các dữ liệu đã cho, liên hệ với những kiến thức đã được học để xây dựng các phương án giải quyết vấn đề

Ở bước này SV cần thực hiện hai nhiệm vụ sau:

- Xác định và phân tích những nội dung cơ bản mà tình huống đã đưa ra làm cơ sở cho việc giải quyết vấn đề.

- Vận dụng kiến thức lý thuyết và từ thực tiễn kinh nghiệm để đưa ra các phương án phù hợp.

Bước 4: Chốt phương án giải quyết vấn đề

Ở bước này, mỗi nhóm phải phân tích, đối chiếu, đồng thời so sánh những điểm yếu, điểm mạnh của từng phương án để thống nhất lựa chọn phương án giải quyết tốt nhất cho

vấn đề.

Bước 5: SV trình bày, phân tích và thống nhất quan điểm của nhóm

Ở bước này, GV cho mỗi nhóm trình bày, lập luận bảo vệ quan điểm của mình.

Bước 6: Kết luận vấn đề

Sau khi SV trình bày phương án giải quyết của nhóm mình, GV sẽ cùng SV phân tích, thảo luận và lựa chọn một hoặc nhiều phương án mà mọi người xem là tối ưu nhất, đồng thời GV có thể đưa thêm những phương án giải quyết khác để SV so sánh và lựa chọn.

Ngoài ra, để nâng cao hiệu quả và tăng tính tích cực của SV trong giải quyết các nội dung học tập, việc kết hợp nhiều PPDH là điều cần thiết. Bên cạnh dạy học toàn lớp, GV có thể kết hợp, sử dụng PPDH cá nhân, dạy học nhóm, hoặc phối hợp rèn các KN cùng lúc cho SV.

Đối với nội dung *Rèn kỹ năng nghe nói* cho SV, GV cần hướng dẫn SV những KN nghe, nói trong giao tiếp và dạy học, đồng thời phải biết nghe nói những nội dung thông thường. Để khuyến khích và hướng SV vào các hoạt động giao tiếp một cách tự nhiên, sôi nổi thì GV có thể sử dụng phương pháp trò chơi học tập. Đây là một hình thức nhằm củng cố kiến thức, KN thông qua trò chơi. KN này rất cần để tạo hứng thú học tập cho SV, có thể tổ chức ngay từ khi bắt đầu bài học mới. Đối với SV sơ phạm thì đó là quá trình thị phạm rất tốt để có thể tự tin trong hoạt động giảng dạy về sau ở trường phổ thông. Chẳng hạn để học tốt chương *Rèn kỹ năng nghe nói* trong học phần *Rèn KN sử dụng tiếng Việt*, GV hướng dẫn SV chơi trò chơi truyền tin. Bằng cách đưa ra vài bản tin và hướng dẫn SV các nhóm xếp thành hàng dọc, GV yêu cầu bạn số 1 (đứng ở đầu hàng) nhận và đọc thầm bản tin sau đó nói thầm (âm lượng nhỏ, đủ cho một người nghe được) nội dung bản tin đó cho bạn số 2, bạn số 2 lại tiếp tục truyền lại cho bạn số 3... và bạn cuối cùng sau khi nhận tin có nhiệm vụ ghi lại nội dung bản tin vừa nhận được và nộp ngay cho ban giám khảo. Ban giám khảo đánh giá về thời gian và kết quả truyền tin, SV thì nhớ được nội dung thông tin và rèn KN nghe nói một cách vui vẻ đầy hứng thú. Việc rèn KN nghe

nói tốt ở trường đại học sẽ giúp SV có thêm nhiều KN khi đứng lớp ở trường tiểu học.

3.3.3. Thực hiện PPDH gắn với đặc thù môn học

Trong dạy học các học phần Tiếng Việt của ngành GDTH (bao gồm cả các môn tiếng Việt cơ sở và PPDH), việc hình thành và phát triển cho SV năng lực giao tiếp ngôn ngữ là một mục tiêu quan trọng. Năng lực giao tiếp bao gồm các tri thức của đời sống xã hội, khả năng sử dụng ngôn ngữ và sự vận dụng những hiểu biết đã có vào các tình huống cụ thể để đạt được mục đích. Qua những bài học về việc sử dụng tiếng Việt, SV nắm được các quy tắc của hệ thống ngôn ngữ và cách sử dụng, SV được luyện tập những tình huống hội thoại, từng bước nâng cao khả năng giao tiếp. Các nội dung đọc hiểu văn bản cũng tạo môi trường để SV được giao tiếp cùng tác giả và môi trường sống xung quanh, nâng cao hiểu biết và khả năng sử dụng tiếng Việt trong các tình huống khác nhau.

Để hình thành và phát triển *năng lực đọc – hiểu* văn bản cho SV, GV có thể hướng dẫn SV đọc hiểu theo mô hình thể loại để quá trình khám phá giá trị tác phẩm có sự sáng tạo, giàu cảm xúc hơn [6]. Chỉ khi làm chủ KN đọc, SV mới có NL đọc sáng tạo, mới trở thành “bạn đọc sáng tạo” của nhà văn, và quá trình tiếp nhận tác phẩm văn học lúc đó sẽ trở thành một hành trình “chạy tiếp sức” của các thế hệ bạn đọc và của chính học sinh ấy trên con đường khám phá giá trị của tác phẩm một cách đầy đủ, sâu sắc. Đặc biệt trên cơ sở của việc tiếp thu kiến thức tại trường Đại học, SV ngành GDTH khi ra trường có NL hướng dẫn học sinh học môn tiếng Việt một cách sáng tạo, phù hợp với mục tiêu đổi mới hoạt động dạy học ở trường phổ thông trong giai đoạn hiện nay.

GV có thể hướng dẫn SV đọc hiểu văn bản truyện theo định hướng phát triển NL gồm các bước như: Hướng dẫn SV tóm tắt một văn bản theo những hình thức khác nhau; Tạo kết nối bằng cách tìm ra mối liên hệ giữa cái mình đang đọc/ tìm hiểu với sự việc, sự vật, con người và SV đã từng biết; Đặt câu hỏi giúp SV hiểu văn bản hơn khi tìm hiểu về các vấn đề thông điệp mà văn bản muốn nói tới. Các câu hỏi trong giáo trình được coi như là phần cứng để việc đặt câu hỏi theo hướng

NL, GV có thể thêm phần mềm nhờ kỹ thuật đặt câu hỏi. Chẳng hạn, ở một số câu hỏi, GV nên đặt mình ngang hàng, thậm chí là người đang có nhu cầu tìm hiểu học hỏi từ SV. Điều đó khiến cho các em tự tin và có hứng thú trong việc trả lời câu hỏi. Chẳng hạn: “*Cô băn khoăn không biết liệu...*”; “*Cô rất tò mò muốn biết...*”; “*Cô không biết tại sao...?*”; “*Liệu nó có...?*”. GV hướng dẫn cho SV dự đoán và suy luận dựa trên việc tìm hiểu nội dung văn bản. Từ đó giúp SV đưa ra kết luận dựa trên những suy đoán và suy luận của mình. Những mẫu câu có thể dùng để giúp học sinh đưa ra kết luận là: “*Em có nghĩ...*”; “*Em đoán...*”; “*Có thể là...*”; “*Em có cho rằng...?*”;...

Ngoài ra, GV có thể hướng dẫn SV vận dụng những kiến thức nền để giúp SV tiếp thu kiến thức mới nhanh, sâu sắc và đúng trọng tâm hơn. Bao gồm: vốn sống, vốn văn hóa, những trải nghiệm đã có hoặc từng làm, đọc mở rộng những nội dung có liên quan hoặc trao đổi với những người xung quanh về vấn đề mình quan tâm...

Để bồi dưỡng *năng lực viết* cho SV, GV cần tích hợp phần dạy học viết văn theo định hướng phát triển NL bằng cách trao quyền cho SV nhiều hơn. SV được viết những bài viết theo cách cảm cách nghĩ của cá nhân mình. GV cũng cần tích hợp kiến thức từ các tác phẩm văn học bằng cách khai thác ngôn ngữ nghệ thuật qua sự chuyển hóa các lớp nghĩa một cách tinh tế. Nhờ đó, người học sẽ cảm nhận được giá trị sâu sắc của nghệ thuật ngôn từ, có được những hiểu biết về con người và cuộc sống. Từ đó, giúp SV tìm ra con đường chuyển kiến thức ngôn ngữ đã cảm nhận thành NL sử dụng tiếng Việt. Kiến thức Tiếng Việt chỉ thực sự có ích với SV khi được vận dụng vào thực tế tiếp nhận và tạo lập văn bản. Ngoài ra, GV cũng cần bồi dưỡng cho SV tình yêu văn học bằng thói quen đọc sách và đọc một cách có chọn lọc. Từ thói quen đọc sách, các em sẽ hình thành niềm đam mê với sách, biết ghi chép những chi tiết, những hình ảnh, những đoạn thơ, những đoạn văn đặc sắc. SV biết lắng nghe và chắt lọc những lời hay ý đẹp để bổ sung thêm cho vốn kiến thức của mình phục vụ cho việc tạo lập văn bản [7].

Để phát triển *năng lực nói và nghe* theo định hướng phát triển năng lực, GV có thể sử dụng các PPDH như PPDH nhóm, tổ chức thảo luận, thuyết trình, tạo ra môi trường thân thiện để SV tự tin trình bày ý kiến, quan điểm, tình cảm và cảm xúc của bản thân thông qua trao đổi, thảo luận hoặc tranh luận, SV phát triển tốt khả năng giải quyết vấn đề. Từ việc hướng dẫn SV cách thức, quy trình chuẩn bị các bài trình bày, GV cần tạo ra môi trường thân thiện, thoải mái để SV tự tin và tự do trình bày ý kiến, thể hiện tình cảm và cảm xúc của bản thân. Hướng dẫn SV cách tập trung vào chủ đề và mục tiêu khi nói để thể hiện sự tự tin, năng động của người nói trong những biểu cảm giao tiếp đa dạng. Hướng dẫn người học kỹ năng nghe hiểu, nắm bắt được nội dung cho người khác nói và độ chính xác của thông tin được nghe. Tổ chức cho SV thảo luận, tranh luận giúp các em hiểu được tính chất tương tác của ngôn ngữ nói và hình thành thái độ tích cực hợp tác khi giao tiếp.

Nhằm đáp ứng mục tiêu nhằm phát triển phẩm chất, NL người học; giúp người học biết vận dụng kiến thức vào thực tiễn của giáo dục hiện đại, việc dạy và học các học phần Tiếng Việt theo hướng phát triển NL cho SV ngành GDTH là rất cần thiết. Việc rèn luyện các kỹ năng dạy học cơ bản trên giúp SV ngành GDTH trang bị kiến thức và thực hành nghề nghiệp nền tảng cho các em. Dạy và học theo hướng phát triển NL cho SV ngành GDTH góp phần đảm bảo chất lượng đầu ra của SV và đáp ứng yêu cầu đào tạo giáo viên tiểu học cho xã hội.

4. Kết luận

Việc dạy học theo hướng TCNL người học được xem là chìa khóa để đổi mới hoạt động dạy và học trong nền giáo dục hiện đại. Để thực hiện tốt nội dung này thì các giải pháp đưa ra phải đảm bảo tính mục tiêu của dạy học theo hướng tiếp cận năng lực, đảm bảo tính hệ thống, dựa trên cơ sở kế thừa những tiêu chuẩn về kiến thức, kỹ năng, thái độ và mức độ tự chủ của SV. Trong quá trình đề xuất các biện pháp không nên phủ nhận hoàn

toàn cái cũ mà chỉ gạt bỏ những yếu tố tiêu cực, lỗi thời, lạc hậu của cái truyền thống, đồng thời lưu giữ lại những yếu tố tích cực, hợp lý còn thích hợp để phát triển cái mới. Mặt khác cũng phải dựa trên cơ sở thực tiễn của việc dạy – học gắn với bối cảnh đổi mới GDPT trong giai đoạn hiện nay để có định hướng dạy học phù hợp theo hướng phát triển. Các biện pháp đề ra phải đảm bảo có tính khả thi trong những điều kiện cụ thể tại Trường Đại học Khánh Hòa như chương trình đào tạo, cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học, địa điểm thực hành, trình độ của GV... Mặt khác, việc giảng dạy và phát triển nội dung các học phần Tiếng Việt ở trường đại học gắn liền với phân môn Tiếng Việt ở trường tiểu học. Vì vậy các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả PPDH các học phần Tiếng Việt cho SV phải phù hợp với đặc thù của môn học.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo, (2018), *Chương trình giáo dục phổ thông tổng thể*, Hà Nội.
2. Đỗ Ngọc Thống, Đỗ Xuân Thảo, Phan Thị Hồ Điệp, (2021), *Hướng dẫn dạy học môn Tiếng Việt theo chương trình giáo dục phổ thông 2018*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
3. Lê Phương Nga, (2017), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học II*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
4. Nguyễn Quang Ninh, (2007), *Tiếng Việt thực hành*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
5. Đào Ngọc, Nguyễn Quang Ninh, (1998), *Rèn kỹ năng sử dụng tiếng Việt*, Nxb Giáo dục, Hà Nội.
6. Lê Phương Nga, Lê A, Đặng Kim Nga, Đỗ Xuân Thảo, (2017), *Phương pháp dạy học Tiếng Việt ở tiểu học I*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.
7. Nguyễn Lăng Bình, Đỗ Hương Trà, (2021), *Dạy và học tích cực - Một số phương pháp và kỹ thuật dạy học*, Nxb Đại học Sư phạm, Hà Nội.